

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 133/2019/HS-ST

Ngày 02-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông DVQ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông TLV

Bà NTN

- Thư ký phiên tòa: Bà NTT – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện G, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà HNTK - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 135/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

LVT - Giới tính: Nam; sinh năm: 1986; nơi sinh: AN; ĐKNKTT: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh AN; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 09/12; con ông: LHV và bà: VTC (đã chết); gia đình có bốn anh chị em, bị cáo là con thứ ba; tiền án - tiền sự : Theo danh chỉ bản số 219 ngày 18-6-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án – tiền sự; bị cáo bị bắt ngày 15-6-2019; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông DLQ -Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H; xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bản thân là đối tượng nghiện ma túy nên vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 15-6-2019, LVT đến khu lán trại công nhân D thuộc thôn K, xã K, huyện G, thành phố H mục đích tìm mua ma túy để sử dụng. Tại đây, T hỏi mua 100.000 đồng ma túy của người đàn ông không rõ nhân thân được 01 gói nilông màu đen, bên trong chứa chất ma túy. Sau khi mua được ma túy, T đi về khu trọ được khoảng 20 mét thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt giữ cùng vật chứng.

Tại Kết luận giám định số 3921/KLGD-PC09 ngày 21/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - CATP H kết luận: Chất bột màu trắng bên trong 01 gói giấy bạc

màu vàng (được bọc bên ngoài bằng túi ni-lông màu đen) là ma túy loại Heroine, khối lượng 0,109 gam.

Bản cáo trạng số: 138/CT-VKSGL ngày 17-9-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố LVT về tội: **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”** theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận thành khẩn toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người làm chứng phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra thấy rằng: Hành vi của bị cáo LVT đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 của BLHS và Điều 106 của BLTTHS.

Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo LVT mức án từ 15 đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 0,109 gam heroin. Đề nghị trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đen, có sim liên lạc, đã qua sử dụng do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo thành khẩn và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ vật-tài sản, bản kết luận giám định, lời khai người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố.

[3] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 13 giờ ngày 15-6-2019, tại khu lán trại Công trường Vincity G thuộc thôn K, xã K, huyện G, thành phố H, LVT có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy Heroine, có khối lượng: 0,109 gam mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị cơ quan Công an kiểm tra bắt giữ cùng vật chứng.

[4] Hành vi của bị cáo LVT có đầy đủ dấu hiệu của tội: **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”**. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[5] Viện Kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã cố ý xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy được Bộ luật Hình sự bảo vệ. Vì vậy, cần phải nghiêm trị đối với bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[7] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Trong khi Đảng và Nhà nước ta đang kiên quyết đấu tranh để loại trừ tệ nạn ma túy, mại dâm ra khỏi đời sống xã hội thì hành vi phạm tội của bị cáo xét về tính chất, mức độ thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Khi quyết định hình phạt, HĐXX cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo vì bị cáo có tình tiết giảm nhẹ như đã nhận định ở trên.

- Về hình phạt bổ sung:

[10] Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng và không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung bằng tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ.

- Về xử lý vật chứng:

[11] Thu giữ của bị cáo 0,109 gam heroin là tang vật của vụ án nên cần cho tịch thu tiêu hủy là có căn cứ.

[12] Thu giữ của bị cáo 01 ĐTDĐ nhãn hiệu ITEL màu đen, có sim liên lạc không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo là có căn cứ.

[13] Đại diện VKSND huyện G đề nghị về hình phạt chính, hình phạt bổ sung, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ TNHS và xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX. Tuy nhiên, về hình phạt chính đại diện VKS đề nghị có phần nghiêm khắc.

- Về vấn đề khác:

[14] Đối với đối tượng bán ma túy cho bị cáo, do không xác định được nhân thân cụ thể nên Cơ quan điều tra chưa đủ điều kiện để làm rõ. HĐXX thống nhất với cơ quan điều tra, truy tố khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

- Về án phí:

[15] Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[16] Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo LVT 13 (*Mười ba*) tháng tù về tội: **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”**. Thời hạn tù tính từ ngày 15-6-2019.

2. Về hình phạt bổ sung: Không.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 0,109g heroin (đã trích mẫu 0,010g) còn lại 0,099g;

+ Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đen, có sim liên lạc, đã qua sử dụng (*Hiện đang có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19-9-2019*).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo LVT phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- Sở Tư pháp thành phố H;
- VKS nhân dân huyện G;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

(*Đã ký và đóng dấu*)